

**THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026**  
**(Hình thức đào tạo: Chính quy)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- 1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Hà Tĩnh**
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HHT**
- 3. Địa chỉ các trụ sở: Trường Đại học Hà Tĩnh, xã Cẩm Bình, tỉnh Hà Tĩnh**
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: [www.htu.edu.vn](http://www.htu.edu.vn)**
- 5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh: <https://ts.htu.edu.vn/>**
- 6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0941 332 333; 0963 300 555**
- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo: <https://htu.edu.vn/>**

**II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG  
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

**1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển**

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

c) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

d) Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế Tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD-ĐT), Quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Hà Tĩnh.

**2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)**

*2.1. Phương thức 1: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Mã 100)*

Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT dùng để xét tuyển có ít nhất 03 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;

b) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT có dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ.

c) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu của Trường Đại học Hà Tĩnh tổ chức thi năm 2026, áp dụng đối với ngành Giáo dục mầm non.

#### 2.2. Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (Mã 200)

Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT bắt buộc môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn học theo thang điểm 30;

b) Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 02 môn học (trong đó bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn) và dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành).

c) Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 02 môn học (trong đó bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn) với điểm thi năng khiếu của Trường Đại học Hà Tĩnh tổ chức thi năm 2026, áp dụng đối với ngành Giáo dục mầm non.

d) Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế.

#### 2.3. Phương thức 3: Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển (Mã 402)

Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học sư phạm Hà Nội tổ chức; đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức. Các kết quả này được lấy theo tổ hợp xét tuyển của ngành để xét tuyển.

#### 2.4. Phương thức 4: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (Mã 411)

#### 2.5. Phương thức 5: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (theo điều 8, quy chế tuyển sinh) (Mã 301).

### **3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

3.1. Ngưỡng đầu vào: Sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD-ĐT (sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026).

3.2. Điểm trúng tuyển: Sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD-ĐT.

#### 4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	35	Phương thức 1, 2, 5	
2.	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	70	Phương thức 1, 2, 3, 4, 5	
3.	7140209	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	10		
4.	7140210	Sư phạm Tin học	7140210	Sư phạm Tin học	10		
5.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	25		
6.	7340101_01	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	30		
7.	7340101_02	Quản trị thương mại điện tử	7340101	Quản trị kinh doanh	20		
8.	7340101_03	Quản trị logistics	7340101	Quản trị kinh doanh	20		
9.	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	30		
10.	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	80		
11.	7380101	Luật	7380101	Luật	60		
12.	7440301	An toàn, sức khoẻ và môi trường	7440301	Khoa học môi trường	20		
13.	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	50		
14.	7580201_01	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	7580201	Kỹ thuật xây dựng	10		
15.	7580201_02	Tin học xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	10		
16.	7620110	Nông nghiệp công nghệ cao	7620110	Khoa học cây trồng	20		
17.	7640101	Thú y	7640101	Thú y	20		
18.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	40		
19.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200		
20.	7810103	QTĐV Du lịch và Lễ hành	7810103	QTĐV Du lịch và Lễ hành	30		

## 5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển

### 5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

a) Đối với một chương trình đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đối tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm b mục này;

b) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn;

### 5.2. Điểm cộng

a) *Điểm thưởng*, cộng 3,00 điểm theo thang điểm 30 cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng gồm: Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, thời gian đạt giải không quá 03 năm; Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận, thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển, dự tuyển vào các chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non;

b) *Điểm xét thưởng*, cộng 1,50 điểm theo thang điểm 30 cho các đối tượng: Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; Thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải, thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển; Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, dự tuyển vào các chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non, thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

c) *Điểm khuyến khích*, cộng 1,50 điểm theo thang điểm 30 cho các thí sinh có chứng chỉ IELTS 6.0 trở lên đối với thí sinh đăng ký xét tuyển các ngành Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Tiếng Anh; cộng 1,50 điểm theo thang điểm 30 cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ HSK 4 trở lên, chứng chỉ TOCFL B1 (cấp độ 3) trở lên đối với thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

### 5.3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng

a) Đối với ngành đào tạo thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên và ngành Luật:

- Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026, căn cứ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GD-ĐT, trường xây dựng phương

án xét tuyển và công bố trên trang thông tin điện tử của trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD-ĐT.

- Phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải có kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

b) Đối với các ngành khác:

- Đối với phương thức 1, 2, 3, thí sinh phải có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

- Phương thức sử dụng kết quả học tập THPT, tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn không nhỏ hơn 18.0.

c) Xét tuyển người nước ngoài vào học chương trình đại học:

- Văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp THPT của Việt Nam theo quy định pháp luật của Việt Nam hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước gửi lưu học sinh là thành viên đối với từng cấp học và trình độ đào tạo;

- Có chứng nhận Tiếng Việt hoặc đã tốt nghiệp các cấp học ở giáo dục phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ bằng tiếng Việt hoặc hoàn thành chương trình dự bị tiếng Việt.

- Lưu học sinh phải có đủ sức khỏe để học tập tại Việt Nam.

#### 5.4. Thông tin xét tuyển

- Tổ hợp xét tuyển đối với phương thức 1, phương thức 2

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Tổ hợp
1.	7140201	Giáo dục Mầm non	M00: Toán, Văn, NK3 (Hát - Đọc, kể diễn cảm) M01: Văn, NK1 (Hát), NK2 (Đọc, kể diễn cảm) M09: Toán, NK1 (Hát), NK2 (Đọc, kể diễn cảm)
2.	7140202	Giáo dục Tiểu học	B03: Toán, Văn, Sinh; C04: Văn, Toán, Địa; C14: Văn, Toán, GD&ĐT; D01: Văn, Toán, Anh; X01: Văn, Toán, GD&ĐT&PL.
3.	7140209	Sư phạm Toán học	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; X06: Toán, Lý, Tin; X10: Toán, Hóa; Tin; X26: Toán, Tin, Anh;

4.	7140210	Sư phạm Tin học	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; C01: Toán, Văn, Lý; X02: Toán, Văn, Tin; X06: Toán, Lý, Tin; X14: Toán, Sinh, Tin; X26: Toán, Tin, Anh;
5.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01: Văn, Toán, Anh; D10: Toán, Địa, Anh; D14: Văn, Sử, Anh; D15: Văn, Địa, Anh; D66: Văn, GDCD, Anh; X78: Văn, Anh, GDKT&PL.
6.	7340101_01	Quản trị kinh doanh	B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GDCD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT&PL; X02: Toán, Văn, Tin.
7.	7340101_02	Quản trị thương mại điện tử	B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GDCD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT&PL; X02: Toán, Văn, Tin.
8.	7340101_03	Quản trị logistics (Quản trị kinh doanh)	B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GDCD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT&PL; X02: Toán, Văn, Tin.
9.	7340201	Tài chính - Ngân hàng	B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GDCD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT&PL; X02: Toán, Văn, Tin.
10.	7340301	Kế toán	B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GDCD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT&PL; X02: Toán, Văn, Tin.
11.	7380101	Luật	C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GDCD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT&PL.
12.	7440301	An toàn, sức khỏe và môi trường (Khoa học môi trường)	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hóa; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GDCD; D01: Toán, Văn, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh;

			X01: Toán, Văn, GDKT&PL.
13.	7480201	Công nghệ thông tin	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; C01: Toán, Văn, Lý; X02: Toán, Văn, Tin; X06: Toán, Lý, Tin; X14: Toán, Sinh, Tin; X26: Toán, Tin, Anh;
14.	7580201_01	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (Kỹ thuật xây dựng)	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; A02: Toán, Lý, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hoá; C14: Toán, Văn, GDCD; D01: Toán, Văn, Anh; X21: Toán, Địa, GDKT&PL.
15.	7580201_02	Tin học xây dựng (Kỹ thuật xây dựng)	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; C01: Toán, Văn, Lý; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT&PL; X02: Toán, Văn, Tin; X06: Toán, Lý, Tin; X21: Toán, Địa, GDKT&PL.
16.	7620110	Nông nghiệp công nghệ cao (Khoa học cây trồng)	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hoá; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GDCD; D01: Toán, Văn, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT&PL.
17.	7640101	Thú y	A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hoá; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GDCD; D01: Toán, Văn, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT&PL.
18.	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01: Văn, Toán, Anh; D10: Toán, Địa, Anh; D14: Văn, Sử, Anh; D15: Văn, Địa, Anh; D66: Văn, GDCD, Anh; X78: Văn, Anh, GDKT
19.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	C00: Văn, Sử, Địa; C03: Văn, Toán, Sử; C04: Văn, Toán, Địa; C14: Toán, Văn, GDCD; D01: Văn, Toán, Anh; D04: Văn, Toán, Tiếng Trung X01: Toán, Văn, GDKT&PL.
20.	7810103	QTDV Du lịch và Lữ hành	B03: Toán, Văn, Sinh; C01: Toán, Văn, Lý; C02: Toán, Văn, Hoá; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa; C14: Toán, Văn, GDCD; D01: Toán, Văn, Anh; X01: Toán, Văn, GDKT&PL. X02: Toán, Văn, Tin;

(Môn GDKT&PL: Giáo dục kinh tế và pháp luật; GDCD: Giáo dục công dân).

- Bảng quy đổi điểm chứng chỉ quốc tế theo phương thức kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc điểm học tập THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển:

Chứng chỉ IELTS	5.0	5.5	6.0	6.5	7.0 - 9.0
Chứng chỉ HSK (Tiếng Trung)		HSK 3	HSK 4	HSK 5	HSK6
Chứng chỉ TOCFL (Tiếng Trung)			B1 (cấp độ 3)	B2 (cấp độ 4)	C1, C2 (cấp độ 5, 6)
<b>Điểm môn Ngoại ngữ</b>	<b>8.0</b>	<b>8.5</b>	<b>9.0</b>	<b>9.5</b>	<b>10</b>

Chứng chỉ IELTS quy đổi sang điểm Tiếng Anh

Chứng chỉ HSK, TOCFL quy đổi sang điểm Tiếng Trung

- Cách thứ tính điểm xét tuyển

*Điểm xét tuyển = Tổng điểm đạt được của thí sinh + Điểm ưu tiên (nếu có)*

Trong đó Tổng điểm đạt được của thí sinh = Điểm 3 môn trong tổ hợp xét + điểm cộng (nếu có).

Đối với thí sinh có Tổng điểm đạt được của thí sinh từ 22.5 điểm trở lên, điểm ưu tiên (nếu có) được tính theo công thức: Điểm ưu tiên thí sinh =  $[(30 - \text{tổng điểm đạt được của thí sinh})/7,5] \times \text{tổng điểm ưu tiên theo quy định}$ .

- Ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh được quy đổi tương đương về phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (Phương thức 1);

- Xét tuyển theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân;

## 6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Tổ chức đăng ký xét tuyển thẳng, đăng ký xét tuyển, đăng ký dự thi năng khiếu và đăng ký nộp hồ sơ đề cộng điểm thưởng:

Trường tổ chức cho thí sinh đăng ký theo hướng dẫn trên cổng thông tin tuyển sinh của trường tại địa chỉ: <https://ts.htu.edu.vn/>

Thời gian đăng ký (dự kiến): Từ 01/4/2026 đến 30/5/2026.

Thời gian tổ chức thi năng khiếu (dự kiến): Từ 14/6/2026 đến 19/6/2026.

6.2. Đăng ký xét tuyển, xác nhận trúng tuyển trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Thí sinh đăng ký xét tuyển, xác nhận trúng tuyển trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>

Thời gian: Theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo

6.3. Đăng ký và xét tuyển đợt bổ sung (nếu có)

Thí sinh đăng ký theo hướng dẫn trên cổng thông tin tuyển sinh của trường: <https://ts.htu.edu.vn/>

## **7. Chính sách ưu tiên**

7.1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo của trường.

7.2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

d) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ GDĐT cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;

đ) Việc xét tuyển thẳng hoặc không được xét tuyển thẳng các đối tượng quy định tại điểm b, c, d của mục này do Hiệu trưởng quyết định.

7.3. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

7.4. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

b) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT.

c) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

d) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do Hiệu trưởng quyết định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

#### **8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển**

Xét tuyển: 15.000 đồng/hồ sơ

Lệ phí thi Năng khiếu (ngành Giáo dục mầm non): 500 000 đồng/thí sinh

#### **9. Cam kết đối với thí sinh**

Trường cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến Trường hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh;

#### **10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)**

**11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất**

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
1.	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	100, 200	40	37	25.85	30	30	26.59	
2.	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	100, 200	100	23	15.0	100	18	15.0	
3.	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100, 200	80	14	15.0	80	11	15.0	
4.	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	100, 200	100	29	15.0	100	33	15.0	
5.	7380101	Luật	7380101	Luật	100, 200	100	5	18.0	100	10	15.0	
6.	7440301	Khoa học môi trường	7440301	Khoa học môi trường	100, 200	80	4	15.0	100	0	15.0	
7.	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100, 200	50	31	15.0	40	18	15.0	
8.	7580201	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100, 200	40	5	15.0	40	0	15.0	
9.	7620110	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	100, 200	30	1	15.0	30	0	15.0	
10.	7620115	Kinh tế nông nghiệp	7620115	Kinh tế nông nghiệp	100, 200	30	2	15.0	30	0	15.0	
11.	7640101	Thú y	7640101	Thú y	100, 200	30	7	15.0	30	5	15.0	
12.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	100, 200	40	23	15.0	30	36	15.0	
13.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100, 200	160	205	20.0	130	173	15.0	
14.	7810103	Quản trị DVDL và lữ hành	7810103	Quản trị DVDL và lữ hành	100, 200	50	7	15.0	40	0	15.0	

**Cán bộ tuyển sinh**

*(Chữ ký)*

**Nguyễn Hải Trung**

SĐT: 0915082552; Email: trung.nguyenhai@htu.edu.vn

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Đoàn Hoài Sơn**